

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2024
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Cao Thị Thu Nga.

ông Đinh Minh Tặng

- Thư ký phiên tòa: ông Cao Lương Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Tô Trường B, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: chị Đinh Thị Kim N, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tô Trường B trình bày:

- về quan hệ hôn nhân: anh B và chị N kết hôn năm 2015 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc.

Sau khi khi hôn được 01 năm thì chị **N** vào làm ăn ở tỉnh Đồng Nai và không liên lạc gì với gia đình. Một thời gian cuối tháng 11/2022, chị **N** có nhắn tin cho anh với nội dung là: xin lỗi anh **B**, chị **N** không thể sống cưỡng lại bản thân mình vì chị **N** đã thay đổi tính cách như một người đàn ông và không thể chung sống cùng với chồng, con nữa mong anh **B** giải thoát cho cả hai. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **B** làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị **N**.

- về con chung: anh **B** và chị **N** có 01 con chung tên **Tô Trường V**, sinh ngày 21/10/2016, hiện đang sống với anh **B**. Nguyên vọng của anh **B** là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **V**.

- về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu **V** có nguyện vọng xin được ở với anh **B**.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do chị **N** không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh **B** và chị **N**, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị **N** vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên toà với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Anh **B** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **V** và không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Tô Trường B**. Về quan hệ hôn nhân: anh **B** được ly hôn với chị **N**; về con chung: anh **B** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Tô Trường V**, sinh ngày 21/10/2016, do anh **B** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: anh **B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chị **Đinh Thị Kim N** có địa chỉ đăng ký thường trú tại **thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** và Biên bản xác minh ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thể hiện chị **N** có địa chỉ đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng thường vắng mặt tại địa phương; khi đi, chị **N** không trình báo với chính quyền địa phương nên nơi cư trú hiện nay của chị **N** thì địa phương không xác định được. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của chị **N** là **thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh **B** khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị **N** có nơi cư trú tại **thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị **N** theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị **N** vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh **B** nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, chị **N** đã được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Đinh Thị Kim N**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh **B** và chị **N** kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được **UBND xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh **B**: vợ chồng anh **B** và chị **N** không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, chị **N** đã thay đổi tính cách như người đàn ông và không còn có tình cảm vợ chồng với anh **B** nữa, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh **B** và chị **N** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh **B** là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh **B** và chị **N** có 01 con chung tên **Tô Trường V**, sinh ngày 21/10/2016, hiện nay đang sống cùng với anh **B**.

Hội đồng xét xử xét thấy: cháu **V** có nguyện vọng được ở với anh **B**, anh **B** cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **V**, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu **V** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do anh **B** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.4] Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: anh **B** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Tô Trường B**:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh **Tô Trường B** và chị **Đinh Thị Kim N**.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/01/2015 cho anh Tô Trường B và chị Đinh Thị Kim N không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: giao con chung là Tô Trường V, sinh ngày 21/10/2016 cho anh Tô Trường B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh B không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Tô Trường B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000584 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/10/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Dương sự;
- UBND xã Trung Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Cảnh